

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 533/2026/HC-PT

Ngày: 12 -5 - 2026

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi
thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà
nước thu hồi đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám

Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc V - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 118/2026/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2025/HC-ST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1493/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phan Thị H, năm sinh 1959. Địa chỉ: Ấp D, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là ấp D, xã V, Thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Kỳ Việt C – Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư thành phố C – Có mặt.

Địa chỉ: Số E T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Nay là Phường C, thành phố Cần Thơ.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang,

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Út C1 – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Chí H1 – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C – Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Phó giám đốc Sở nông nghiệp và môi trường thành phố C – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn Út C1 – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

2. Ông Lê Hoàng V1 (chồng bà H). Địa chỉ: Ấp D, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là ấp D, xã V, Thành phố Cần Thơ – Đã chết ngày 06/4/2026.

3. Ông Lê Hoàng H2 (con bà H). Địa chỉ: T, T, thành phố Hà Nội. Nay là xã H, thành phố Hà Nội – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Lê Ngọc H3 (con bà H). Địa chỉ: Số G M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Nay là phường C, thành phố Cần Thơ – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Phạm Hoàng P. Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp A xã V, thành phố Cần Thơ) – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Ánh T1, địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ông Trần Văn T2. Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là ấp A xã V, thành phố Cần Thơ – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện trình bày: Ngày 03/8/2023, Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện V ban hành Quyết định số 3730/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 1.949,6m² gồm thửa 1161 (tách một phần của thửa 389) và thửa 1162 (tách một phần thửa 392) tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang của gia đình bà để thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh H.

Quá trình đo đạc đất để thu hồi, không có sự chứng kiến của gia đình bà, đo phần đất của gia đình bà cho các hộ giáp ranh bên cạnh.

Trong thông báo thu hồi chỉ thông báo thu hồi 01 thửa nhưng quyết định thu hồi lại thu hồi 02 thửa mặc dù diện tích không thay đổi.

Ngoài phần đất bị thu hồi nằm phía trước, gia đình bà còn diện tích 4.000m² đất nằm ở phía trong phần đất bị thu hồi nhưng không trừ lối đi cho bà để vào quản lý, canh tác đất. Bà có yêu cầu chừa lối đi vào phía trong cho bà ngang 20m.

Ngoài ra, phần đất của gia đình bà nằm phía trước phần đất bị thu hồi và cấp hành lang lộ giới nhưng không được thu hồi hết đất.

Từ đó xét thấy, Quyết định số 3730/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc thu hồi đất của bà Phan Thị H (viết tắt Quyết định số 3730/QĐ-UBND) là trái luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà nên bà yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 3730/QĐ-UBND và Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) cho bà Phan Thị H (viết tắt Quyết định số 1278/QĐ-UBND).

Ngày 27/02/2015, bà Phan Thị H tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, hủy Quyết định số 3729/QĐ-UBND, ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh H (viết tắt Quyết định 3729/QĐ-UBND).

Đề nghị bồi thường, hỗ trợ tiền xây lắp mặt bằng, đề nghị xem xét nâng giá nhà.

Trong quá trình thu hồi đất, việc áp giá bồi thường đất chênh lệch rất nhiều so với giá thị trường, ảnh hưởng đến quyền lợi người sử dụng đất. Bởi giá đất thị trường rất cao và Luật đất đai năm 2013 tại Điều 112 quy định phải tương ứng với giá thị trường. Đặc biệt có sự phân biệt giữa hộ của bà và các hộ giáp ranh, giá bồi thường cho hộ của bà thấp hơn rất nhiều so với các hộ xung quanh có cùng loại đất, vị trí.

Trên phần đất bị thu hồi, trước đó gia đình bà có cất nhà và sinh sống tại đây nhưng khi thu hồi đất, UBND huyện V không xem xét cấp tái định cư cho

gia đình bà là không phù hợp, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho gia đình bà.

Trước đây căn nhà được chồng của bà ở, khi bị bệnh không ở mà có tới lui để giữ nhà, giữ vườn, nhà đầy đủ tiện nghi như tủ, giường, các dụng cụ phục vụ sinh hoạt trong cuộc sống và có để gạch, tole, sắt chờ chuyển mục đích để xây dựng nhà ở cấp 3 (hiện tại là nhà cấp 4).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho hộ vào năm 1998, thời điểm cấp gồm có bà và ông Lê Hoàng V1 là chồng của bà hiện đang bị bệnh ở cùng địa chỉ, 02 người con của bà là Lê Hoàng H2, đang ở Hà Nội, Lê Ngọc H3 đang ở Cần Thơ. Sinh năm mấy bà không nhớ, địa chỉ cụ thể bà không nhớ. Do đất được cấp thời điểm đó các con còn nhỏ, không biết gì nên khi nhận được thông báo của Tòa về việc mời thành viên hộ thì bà cho rằng không liên quan các con nên không báo, còn chồng của bà đang bị bệnh, khó đi lại nên không dự.

Người bị kiện UBND huyện V quá trình tham gia đối thoại đồng thời có văn bản số 508/UBND ngày 09/6/2025 trình bày: Dự án nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh H là dự án thực hiện thu hồi đất theo điểm a khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Thảm quyền thu hồi đất theo quy định tại Điều 66 Luật Đất đai; Trình tự, thủ tục thu hồi đất Theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Cụ thể:

Ngày 06/9/2022, UBND huyện ban hành Kế hoạch số 124/KH-UBND thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh H. Tại Thông báo số 815/TB-UBND thông báo thu hồi đất của bà Phan Thị H, diện tích đất thu hồi dự kiến là 1.941,0m², thửa đất số 389, 392, thuộc tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp A, xã V, huyện V. Thông báo thu hồi đất trao cho bà Phan Thị H ngày 12/9/2022, bà H có ký nhận, được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã V, Nhà V, xã V và Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền thanh).

Ngày 03/8/2023, UBND huyện V ban hành Quyết định số 3730/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Phan Thị H, diện tích đất thu hồi là 1.949,6m², gồm thửa đất số 1161 (tách một phần thửa số 389) và thửa đất số 1162 (tách một phần thửa 392). Quyết định thu hồi đất trao cho bà Phan Thị H ngày 08/8/2023 bà H có ký nhận, được niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã V và Nhà văn hóa ấp A, xã V.

Cùng ngày, Ủy ban nhân dân huyện V ban hành quyết định số 3729/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư dự án, Bà H được phê duyệt với số tiền 1.872.852.100 đồng, có công bố công khai cho bà H vào ngày 08/8/2023 là đúng quy định Điều 69 Luật đất đai 2013.

Bà Phan Thị H khiếu nại Quyết định số 3730/QĐ-UBND và khiếu nại Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện V. Ngày 10/9/2023, Chủ tịch UBND huyện V giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định số 1349/QĐ-UBND và 1350/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2024.

Kết quả giải quyết: Giữ nguyên nội dung Quyết định số 3730/QĐ-UBND và giữ nguyên Quyết định số 3729 ngày 03 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện V.

Không đồng ý kết quả giải quyết, bà H khiếu nại đến UBND tỉnh H (khiếu nại lần 2) và được Chủ tịch UBND tỉnh H giải quyết khiếu nại (lần hai) tại Quyết định số 1278/QĐ-UBND và 1279/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2024. Kết quả giải quyết: Công nhận và giữ nguyên nội dung các Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện V là đúng.

Ngoài ra, tại Thông báo số 115/TB-VP.UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Văn phòng UBND tỉnh H kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn H4 tại buổi đối thoại với công dân trên địa bàn thị xã L, huyện P, huyện V ngày 22 tháng 8 năm 2024. Giao “UBND huyện V phối hợp với Ban Q (Chủ đầu tư dự án) điều chỉnh phương án thi công phù hợp để đảm bảo chừa lối đi cho bà H phục vụ canh tác”. UBND huyện V đã làm việc với Chủ đầu tư xác định khi thi công hàng rào giáp ranh với đất bà H sẽ dịch chuyển hàng rào vào 3m để chừa và cho bà H sử dụng làm lối đi chung. Hiện tại đã trừ ra cho bà H thêm 03m để làm lối đi.

Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định thu hồi 3730/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt số 3729/QĐ-UBND là không có căn cứ. Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu của bà H.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh H tại văn bản số 56/UBND-TCD ngày 14/01/2025 có ý kiến như sau:

Biên bản kiểm đếm ngày 20/9/2022, của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện V thì hộ bà Phan Thị H bị ảnh hưởng đất, công trình và cây trồng.

Ngày 24/3/2023, UBND xã V xác nhận pháp lý trường hợp của hộ bà Phan Thị H, bị ảnh hưởng dự án, cụ thể:

+ Về đất: Có Giấy CNQSD đất số 00214 theo hồ sơ cập nhật của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V ngày 03/10/2022. Diện tích, loại đất, số thửa, tờ bản đồ, bị thu hồi căn cứ theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Công ty TNHH Đ thực hiện. Hiện tại hộ đang quản lý, sử dụng ổn định, không tranh chấp.

+ Về nhà, công trình: Nhà giữ vườn, sân phơi lán xi măng, hộ xây dựng trước 01/07/2006, trên đất nông nghiệp, trước thời điểm thông báo thu hồi đất, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cơ quan có thẩm quyền.

+ Về cây trồng: Cây hàng năm trồng trước thông báo thu hồi đất; cây lâu năm được tạo lập từ trước khi công bố kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện.

+ Về hỗ trợ: Hộ trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp, hộ bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp, bà Phan Thị H hiện tại đang thường trú tại ấp D, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Hộ tự chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm sang đất trồng cây lâu năm trước ngày 04/02/2013 tại thửa

đất số 389, diện tích: 1.435,3m²; thửa đất số 392, diện tích: 514,3m², tờ bản đồ số 01, loại đất LUC.

Ngày 03/08/2023, UBND huyện V ban hành Quyết định số 3730/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án, theo đó thu hồi diện tích 1.949,6m² đất của hộ Phan Thị H, thửa đất số 1161 (tách một phần thửa đất số 389) và thửa đất số 1162 (tách một phần thửa đất số 392), tờ bản đồ số 01.

Ngày 03/8/2023, UBND huyện V ban hành Quyết định số 3729/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án, theo đó hộ bà Phan Thị H được phê duyệt với tổng số tiền 1.872.852.100 đồng, cụ thể:

- + Đất: 1.503.835.300 đồng;
- + Nhà và vật kiến trúc: 77.345.100 đồng;
- + Cây trồng: 161.048.500 đồng;
- + Các khoản hỗ trợ khác: 130.623.200 đồng.

Ngày 23/01/2024, UBND huyện V ban hành Quyết định số 237/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án, theo đó thu hồi 4,5m² đất của hộ bà Phan Thị H, tại thửa đất số 389, tờ bản đồ số 01.

Ngày 23/01/2024, UBND huyện V ban hành Quyết định số 238/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án, theo đó hộ bà Phan Thị H được phê duyệt bổ sung với số tiền 2.846.800 đồng.

- Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại:

Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị H (lần đầu) là đúng thẩm quyền, đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 10/9/2024 về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Phan Thị H (lần hai) là đúng thẩm quyền, đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về căn cứ pháp luật để giải quyết nội dung khiếu nại:

Khi ảnh hưởng dự án, hộ bà Phan Thị H bị ảnh hưởng đất, nhà giữ vườn, không bị ảnh hưởng chỗ ở, không bị di chuyển chỗ ở. Tổng diện tích đất hộ bà H bị thu hồi 1.954,1m² (loại đất 2L). Hộ bà H được phê duyệt với tổng số tiền là 1.875.698.900 đồng. Phần diện tích đất bị thu hồi thực hiện dự án của hộ bà H được UBND tỉnh H phê duyệt tại Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện V, tỉnh Hậu Giang. Diện tích thu hồi đúng theo Quyết định số 3730/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 và Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND huyện V. Do đó, bà H yêu cầu thu hồi đất phải chừa đất làm lối đi vào phần đất còn lại để canh tác với chiều ngang là 20m là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2025/HC-ST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, quyết định:

“...1. *Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 3730/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang về việc thu hồi đất của hộ bà Phan Thị H để thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh H.*

2. *Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với bà Phan Thị H.*

3. *Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án: Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh H (phần liên quan đến hộ bà H)...*”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:**

Ngày 28/8/2025, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ nhận được đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Phan Thị H, bà H kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2025/HC-ST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm,** bà Phan Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Nội dung: Quá trình thu hồi đất, bồi thường và giải quyết vụ án hành chính của UBND huyện V đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Diện tích đất bị thu hồi được xác định trên cơ sở đo đạc thực tế, có sự xác nhận của bà Phan Thị H tại biên bản mô tả ranh giới và mốc giới. Toàn bộ diện tích bị thu hồi được xác định là đất trồng lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; mặc dù bà H cho rằng đã chuyển sang trồng cây lâu năm nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định nên việc bồi thường theo loại đất lúa là phù hợp pháp luật. Việc áp dụng đơn giá bồi thường theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND của UBND tỉnh H là đúng quy định và bảo đảm công bằng với các hộ dân khác. Đối với yêu cầu tái định cư, bà H không đủ điều kiện được bố trí tái định cư vì công trình trên đất chỉ là nhà giữ vườn tạm và gia đình không phải di dời chỗ ở. Về lối đi, mặc dù pháp luật không quy định cụ thể chiều rộng 20m như yêu cầu của bà H nhưng phía bị kiện đã điều chỉnh phương án thi công, dịch chuyển hàng rào dự án để tạo lối đi rộng khoảng 4m và chính

bà H cũng đã xác nhận hiện trạng này tại biên bản đối thoại. Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị H và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung kháng cáo thấy rằng:

[1.1] Căn cứ các chứng cứ đã thu thập thể hiện: tại bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất 1162 thể hiện bà H có tham gia chỉ ranh, ranh trên thực tế đã có trụ đá nhưng bà H không đồng ý với ranh trụ đá trên thực tế đồng nghĩa có phát sinh tranh chấp giữa bà H với các hộ giáp ranh. Sau đó, giữa Bà H và bà T1 đã thỏa thuận được với nhau phần diện tích tranh chấp 4,5m² cho bà H trước khi khởi kiện vụ án hành chính nên Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định 237/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 thu hồi phần diện tích 4,5m² cho bà H tại thửa 389. Riêng về phần của ông T2 không thống nhất được với nhau là 4,8m² và của ông P là 16,5m². Tại Quyết định thu hồi đất số 366/QĐ-UBND và Quyết định thu hồi đất số 367/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 có nội dung “*thu hồi diện tích 4,8m² đất của hộ bà Phan Thị H tranh chấp Trần Văn T2 thửa đất 1102*” và “*thu hồi diện tích 16,5m² đất của hộ bà Phan Thị H tranh chấp Phạm Hoàng P thửa đất 1101*”. Từ đó khẳng định không có việc Ủy ban nhân dân huyện V đo đất của bà H sang cho ông T2, ông P như bà H trình bày vì quyết định thu hồi đất không đề thu hồi phần đất cho ông T2 và ông P. Quá trình giải quyết vụ án hành chính, ông T2, ông P trình bày mặc dù phần đất của ông P, ông T2 bị thiếu nhưng đã thống nhất phần đất tranh chấp giao cho bà H.

Tuy nhiên, bà H được sử dụng đối với các phần đất tranh chấp trên cũng thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng nên không thể cộng diện tích tranh chấp vào để giảm diện tích thu hồi của gia đình bà H. Bên cạnh đó, tại phiên tòa phúc thẩm phía bị kiện trình bày rằng hiện nay các hộ trên vẫn đang có tranh chấp và khiếu nại, nên chưa có cơ sở giải quyết về số tiền bồi thường liên quan đến diện tích đất tranh chấp.

[1.2] Về nội dung bà H yêu cầu thu hồi hết thửa đất lộ giới. Xét thấy căn cứ khoản 5 Điều 10 Quyết định số 26/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Q1 “*thửa đất nông nghiệp còn lại sau khi Nhà nước thu hồi không đủ điều kiện để tiếp tục sản xuất do hình thể hoặc diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu tách thửa. Nếu người có đất thu hồi có yêu cầu Nhà nước thu hồi phần diện tích còn lại thì Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc thu hồi.*” Người bị kiện cho rằng quá trình làm việc, bà H không có yêu cầu thu hồi phần đất hành lang lộ giới cho bà nên không thực hiện được. Bà H cũng không có gì chứng minh là bà có yêu cầu thu hồi hết phần đất thuộc hành lang lộ giới mà không được thu hồi. Nay dự án đã hoàn thành nên việc Ủy ban nhân dân huyện V không thu hồi hết thửa đất thuộc hành lang lộ giới của bà H. Nhận định này của Tòa án cấp sơ thẩm là

không phù hợp, bởi vì: Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bà H trình bày bà có yêu cầu được thu hồi hết thửa đất; phía người bị kiện cũng thừa nhận việc bà H có yêu cầu, tuy nhiên cho rằng do bà H không ký vào biên bản nên không giải quyết. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện là ông Nguyễn Văn T (Phó Giám đốc sở TN-MT thành phố C) trình bày sẽ trình nội dung này và xin ý kiến của UBND thành phố C để xem xét việc thu hồi và bồi thường bổ sung đối với bà H.

[1.3] Về yêu cầu chừa lối đi ra lộ ngang 20m, xét thấy người bị kiện trình bày khi thu hồi có chừa lối đi ngang giáp hành lang lộ giới 01m, ngang giáp đầu trong là 0.91m. Trong quá trình làm việc, người bị kiện đã xin ý kiến UBND tỉnh và chủ đầu tư thống nhất điều chỉnh phương án thi công phù hợp để đảm bảo chừa lối đi cho bà H phục vụ canh tác là ngang 3m trong phạm vi giải phóng mặt bằng tiếp giáp lối đi không bị thu hồi (03m này bà H đã được bồi thường). Hiện tại dự án đã thực hiện xong, đã xây hàng rào, đã chừa lối đi trên thực tế là 04m. Về phía bà H tại biên bản đối thoại thừa nhận hiện tại lối đi vào đất của bà 04m nhưng bà vẫn không đồng ý. Do đó không có căn cứ để chừa cho bà lối đi ngang 20m.

Từ các phân tích trên, xét thấy không có căn cứ hủy Quyết định thu hồi 3730/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện V.

[2.]. Đối với yêu cầu hủy Quyết định 3729/QĐ-UBND về các nội dung:

[2.1] Về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ san lấp mặt bằng: Nhận thấy phần đất bà H thu hồi có mục đích sử dụng đất trồng lúa, căn cứ Luật đất đai 2013 tại Điều 6 quy định về nguyên tắc “*phải sử dụng đúng mục đích*” và tại Điều 12 quy định những hành vi bị nghiêm cấm “*Không sử dụng đất, sử dụng đất không đúng mục đích*”. Hành vi san lấp mặt bằng trên diện tích đất nông nghiệp không vì mục đích sử dụng vào nông nghiệp là không đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, căn cứ vào khoản 1 Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định đối tượng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật đất đai năm 2013, mà theo quy định khoản 1 Điều 76 Luật đất đai 2013 các trường hợp được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất là các trường hợp không được bồi thường về đất. Do đó Quyết định 3729/QĐ-UBND không hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất cho bà H là đúng quy định.

[2.2] Về nội dung nâng giá đất: Căn cứ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013 quy định “*Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất*”. Thời điểm thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh H đã ban hành Quyết định 1194/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 phê duyệt lại hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường. Ủy ban nhân dân huyện V đã áp dụng đúng theo giá đất quy định tại Quyết định số 1194/QĐ-UBND để bồi thường cho bà H, cụ thể loại đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 giá 935.000 đồng/m², vị trí 2 giá 561.000 đồng/m², vị trí 3 giá 374.000 đồng/m² là đúng quy định của pháp luật nên bà H yêu cầu nâng giá đất là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu nâng giá nhà: Xét thấy tại biên bản kiểm đếm xác định nhà của bà H là nhà giữ vườn, kết cấu móng cuốn nền, vách tole, mái tole, khung cột gỗ tạp, nền gạch men diện tích 31,62m², nền xi măng diện tích 5,85m². Ủy ban nhân dân huyện V đã căn cứ Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh H để bồi thường cho bà H số tiền 50.399.100 đồng là toàn toàn có căn cứ.

[2.3] Về nội dung yêu cầu bố trí tái định cư: Bà H bị thu hồi đất nông nghiệp, theo biên bản kiểm kê đất và tài sản gắn liền với đất ngày 20/9/2022 thể hiện trên đất có nhà giữ vườn của hộ bà H, bà H đã thống nhất ký vào biên bản này. Tại biên bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V ngày 24/3/2023 cũng đã xác nhận nhà của bà H là nhà giữ vườn, không phải là nhà ở. Bà H thừa nhận trước đây gia đình bà có ở tại nơi này nhưng từ khi chồng bà bệnh thì chỉ tới lui giữ nhà, giữ vườn. Tại phiên tòa bà thừa nhận mục đích cất nhà để các con của bà ở nhưng các con của bà chưa có điều kiện để ở. Điều này cho thấy bà H và gia đình không ở căn nhà trên tại thời điểm thu hồi, bà sinh sống và buôn bán tại thị trấn N, không phải di chuyển chỗ ở nên không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ và Điều 23 Quyết định 26/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh H được sửa đổi, bổ sung Quyết định 01/2020/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Từ các căn cứ trên, bà H yêu cầu hủy Quyết định 3729/QĐ-UBND là không có cơ sở.

[3]. Do các Quyết định số 1349/QĐ-UBND và Quyết định số 1350/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu có nội dung giữ nguyên Quyết định thu hồi số 3730/QĐ-UBND và giữ nguyên Quyết định phê duyệt số 3729/QĐ-UBND. Còn Quyết định số 1278/QĐ-UBND và Quyết định số 1279/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung giữ nguyên các Quyết định khiếu nại lần đầu là Quyết định số 1349/QĐ-UBND và Quyết định số 1350/QĐ-UBND là phù hợp nên không có căn cứ để hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại.

[4]. Từ những cơ sở trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là không có căn cứ. Tuy nhiên, như đã nhận định phần [1.2] cho thấy cần tiếp tục kiến nghị UBND thành phố C tiến hành xem xét thu hồi và bồi thường bổ sung đối với phần đất còn lại nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho người dân có đất bị thu hồi.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6]. Về án phí: người khởi kiện phải chịu theo quy định pháp luật nhưng được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị H.
2. Giữ nguyên bản án hành chính số 32/2025/HC-ST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Áp dụng các Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 69 Luật đất đai năm 2013;

Luật khiếu nại năm 2011;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T3;

Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H được sửa đổi bổ sung Quyết định 01/2020/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh H.

2.1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 3730/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang về việc thu hồi đất của hộ bà Phan Thị H để thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh H.

2.2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với bà Phan Thị H.

2.3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án: Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh H (phần liên quan đến hộ bà H).

3. Về án phí:

3.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện bà Phan Thị H được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Bà Phan Thị H được nhận lại tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000đồng. Cụ thể được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000040 ngày 09 tháng 4 năm 2025 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000531 ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang nay là Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phan Thị H được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: DS, VP, 15b-TVN.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Mười